TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 77/2025/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc** *Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn của Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 90/2025/TLST- HNGĐ ngày 22/07/2025 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

***Chị Bế Thị H*; Sinh ngày: 21/08/1990.**

CCCD số: 004190003533, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 09/05/2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, xã Tĩnh Túc, tỉnh Cao Bằng.

***Anh Nguyễn X A*; Sinh ngày: 07/09/1991.**

CCCD số: 001091000462, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 22/11/2021.

Địa chỉ: TDP Đông Ngạc 2, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2016 tại UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng). Giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 27/2016. Là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh X A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A.

[2] Về con chung: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A có một con chung là cháu Bế Thùy D, sinh ngày 25/12/2017. Khi ly hôn, chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A đã thỏa thuận và thống nhất chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung trưởng thành. Về cấp dưỡng, chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A thỏa thuận anh X A cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng.

[3] Về tài sản chung: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn X A tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, chị Bế Thị H đồng ý.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bế Thùy D, sinh ngày 25/12/2017 cho chị Bế Thị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế. Về cấp dưỡng, anh Nguyễn X A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng /01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh Nguyễn X A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Chị Bế Thị H và anh Nguyễn X A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn X A tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001417 ngày 22/07/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Anh Nguyễn X A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang